

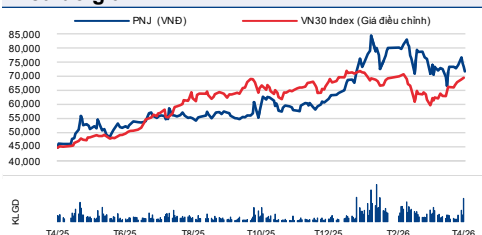
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ100,000
Tiềm năng tăng/giảm: 39.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (23/4/2026)	71,700
Mã Bloomberg	PNJ VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	45,537-84,671
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	74,078
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	36,691
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,394
Slg CP lưu hành (tr.đv)	512
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	167
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0.61
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	48.8%
Tỷ lệ freefloat	74.1%
Cổ đông lớn	C.T.N Dung, gia đình (14.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	34,976	43,190	49,613
EBITDA đc (tỷ đồng)	3,623	4,544	5,382
LNTT (tỷ đồng)	3,549	4,492	5,337
LNT ĐC (tỷ đồng)	2,829	3,580	4,253
FCF (tỷ đồng)	(97.9)	2,054	2,683
EPS ĐC (đồng)	5,035	6,371	7,569
DPS (đồng)	1,334	1,335	1,335
BVPS (đồng)	25,930	30,968	37,203
T.trưởng EBITDA (%)	31.7	25.4	18.4
T.trưởng EPS ĐC (%)	32.6	26.5	18.8
Tăng trưởng DPS (%)	0.05	0.05	0.05
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	10.4	10.5	10.8
Tỷ suất LNTT (%)	10.1	10.4	10.8
Tỷ suất LNT ĐC (%)	8.09	8.29	8.57
Tỷ lệ LN trả CT (%)	26.5	21.0	17.6
Nợ thuần/VCSH (%)	29.3	24.8	17.9
ROAE (%)	23.1	24.6	24.4
ROACE (%)	28.8	30.5	30.2
EV/doanh thu (lần)	1.16	0.94	0.80
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.2	8.90	7.41
P/E ĐC (lần)	14.2	11.3	9.47
P/B (lần)	2.77	2.32	1.93
Lợi suất cổ tức (%)	1.86	1.86	1.86

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

PNJ là nhà sản xuất và bán lẻ trang sức hàng đầu Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Bùi Nguyên Cẩm Giang, CFA
Trưởng phòng
giang.bnc@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Trần Hương Mỹ
Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

ĐHCD: Kế hoạch lợi nhuận thuần tăng trưởng 21%

- Tại ĐHCD của PNJ, cổ đông đã thông qua kế hoạch HĐKD với lợi nhuận thuần tăng trưởng 21% cho năm 2026, cùng với cổ tức tiền mặt năm 2025 là 2.000đ/cp, cổ tức năm 2026 là 20%, và bầu HĐQT mới cho nhiệm kỳ 2026-2031. ESOP được giới hạn tối đa 1% số cổ phiếu lưu hành (gắn với KQKD năm 2026).
- Chiến lược của PNJ tiếp tục tập trung vào mảng bán lẻ trang sức cốt lõi đồng thời mở rộng sang các dòng sản phẩm phong cách sống; kế hoạch mở rộng mạng lưới cửa hàng ưu tiên chất lượng hơn số lượng, chuyển dịch sang mô hình cửa hàng quy mô lớn hơn và nâng cao trải nghiệm khách hàng.
- Doanh thu thuần Q1/2026 tăng mạnh 79% so với cùng kỳ đạt 17.245 tỷ đồng và lợi nhuận thuần tăng mạnh 117% so với cùng kỳ đạt 1.467 tỷ đồng, cao hơn 22% so với dự báo của HSC.
- Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 100.000đ (tiềm năng tăng giá: 40%).

Sự kiện: Tổ chức ĐHCD ngày 22/4

Vào ngày 22/4/2026, PNJ đã tổ chức ĐHCD với các nội dung chính như sau.

KQKD Q1/2026: Vững chắc và cao hơn dự báo

Doanh thu thuần Q1/2026 tăng mạnh 79% so với cùng kỳ đạt 17.245 tỷ đồng và lợi nhuận thuần tăng mạnh 117% so với cùng kỳ đạt 1.467 tỷ đồng, cao hơn 22% so với dự báo Q1 của HSC và bằng 41% dự báo cho cả năm 2026. Tăng trưởng doanh thu được dẫn dắt nhờ mảng kinh doanh vàng 24K với mức tăng mạnh 354% so với cùng kỳ; doanh thu bán lẻ duy trì tích cực với mức tăng 22% so với cùng kỳ, trong khi doanh thu bán buôn tăng 35% so với cùng kỳ.

Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm xuống mức 20% từ 21,3% trong Q1/2025, do cơ cấu doanh thu chuyển dịch mạnh sang vàng 24K có tỷ suất lợi nhuận thấp hơn, chiếm 43% doanh thu trong Q1/2026 (so với mức 18% cùng kỳ). HSC ước tính tỷ suất lợi nhuận của cả mảng trang sức bán lẻ và mảng vàng 24K đều cải thiện trong quý.

Đặt kế hoạch lợi nhuận thuần tăng trưởng 21%

Kế hoạch HĐKD năm 2026 gồm doanh thu đạt 48.660 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ và cao hơn 13% so với dự báo của HSC, và lợi nhuận thuần đạt 3.409 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ và thấp hơn 5% so với dự báo. Cổ đông cũng đã thông qua:

- Cổ tức tiền mặt năm 2025 là 2.000đ/cp, trong đó 1.000đ/cp đã được chi trả, và kế hoạch cổ tức năm 2026 là 20% mệnh giá.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 24/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/2026, PNJ

Lợi nhuận thuần tăng 117% so với cùng kỳ và hoàn thành 41% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi

Tỷ đồng	Q1/25	Q1/26	So với cùng kỳ	% 2026 HSCF
Doanh thu thuần	9,635	17,245	79.0%	39.9%
Lợi nhuận gộp	2,048	3,441	68.0%	38.0%
Lợi nhuận thuần	678	1,467	116.4%	41.0%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	21.3%	20.0%		
Tỷ suất lợi nhuận thuần	7.0%	8.5%		

Nguồn: HSC ước tính

- Thường tiền mặt 50 tỷ đồng cho HĐQT nếu lợi nhuận thuần năm 2026 đạt kế hoạch, cộng thêm 10% phần vượt kế hoạch.
- Phát hành cổ phiếu ESOP trong năm 2027 gắn với KQKD năm 2026, với tỷ lệ tối đa 1% số cổ phiếu đang lưu hành.

Bầu HĐQT mới cho nhiệm kỳ 2026-2031

ĐHCHĐ đã bầu HĐQT gồm 9 thành viên cho nhiệm kỳ 2026-2031, bao gồm hai thành viên mới. Ông Phan Quốc Công (tân CEO) và ông Mai Hữu Tín sẽ thay thế ông Lê Quang Phúc (kết thúc nhiệm kỳ 2021-2026 tại thời điểm ĐHCHĐ) và ông Đặng Hải Anh, người vừa từ nhiệm nhiệm kỳ 2023-2028.

Chiến lược: Bán lẻ trang sức tiếp tục là trọng tâm cốt lõi

Chiến lược dài hạn của PNJ tiếp tục tập trung vào mảng cốt lõi là bán lẻ trang sức, đồng thời mở rộng sang các dòng sản phẩm phong cách sống. Công ty tận dụng thế mạnh về quản lý bán lẻ, xây dựng thương hiệu và hệ thống phân phối để nhân rộng các sáng kiến mới, được phát triển theo mô hình dự án và định hướng thương hiệu. Các ví dụ tiêu biểu bao gồm thương hiệu Arta (chuyên về các sản phẩm quà tặng), PNJ Style (thương hiệu trang sức hướng đến giới trẻ) và Mancode (trang sức cho nam giới), mỗi thương hiệu nhắm đến các phân khúc khách hàng riêng biệt nhằm mở rộng phạm vi thị trường.

Mở rộng mạng lưới cửa hàng: Ưu tiên chất lượng hơn số lượng

PNJ ưu tiên chất lượng hơn số lượng trong việc mở rộng mạng lưới cửa hàng, dựa trên lộ trình nâng cấp rõ ràng và tập trung nhiều hơn vào trải nghiệm khách hàng. Trong năm 2025, Công ty đã mở mới 17 cửa hàng và đóng 15 cửa hàng quy mô nhỏ, chuyển dịch sang mô hình cửa hàng quy mô lớn hơn, chất lượng cao hơn và thúc đẩy mô hình bán lẻ dòng sản phẩm phong cách sống.

Mô hình shop-in-shop (cửa hàng nằm trong các siêu thị và trung tâm thương mại) tiếp tục được triển khai trong khi mục tiêu mở rộng lên 500 cửa hàng vào năm 2030 vẫn được duy trì linh hoạt và chú trọng chất lượng. Đồng thời, Công ty cũng hướng đến tăng cường tương tác kỹ thuật số giữa nhân viên bán hàng và người mua sắm nhằm thúc đẩy doanh thu.

Định giá và khuyến nghị

Sau khi giá cổ phiếu giảm 4% trong 3 tháng qua, PNJ đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 12 tháng tới là 11 lần, thấp hơn 0,9 độ lệch chuẩn so với bình quân từ năm 2021 ở mức 13 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 100.000đ (sau khi điều chỉnh chia tách cổ phiếu tỷ lệ 2:1), tương ứng tiềm năng tăng giá 40%.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu Q1/2026, PNJ

Mảng vàng 24k dẫn dắt tăng trưởng doanh thu

Tỷ đồng	Q1/25	Q1/26	So với cùng kỳ
Bán lẻ	6,730	8,190	21.7%
Bán buôn	1,160	1,553	33.9%
Vàng 24k	1,740	7,390	324.7%
Khác	56	112	100.0%
Tổng	9,635	17,245	79.0%

Nguồn: HSC ước tính

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	37,823	34,976	43,190	49,613	55,363
Lợi nhuận gộp	6,674	7,703	9,059	10,427	11,843
Chi phí BH&QL	(4,003)	(4,165)	(4,614)	(5,154)	(5,720)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	2,670	3,538	4,445	5,274	6,123
Lãi vay thuần	(2.60)	(13.5)	0	0.00	0
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(16.6)	24.6	46.8	63.0	115
LNTT	2,651	3,549	4,492	5,337	6,237
Chi phí thuế TNDN	(538)	(720)	(912)	(1,083)	(1,266)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	2,113	2,829	3,580	4,253	4,971
Lợi nhuận thuần ĐC	2,113	2,829	3,580	4,253	4,971
EBITDA ĐC	2,751	3,623	4,544	5,382	6,241
EPS (đồng)	3,798	5,035	6,371	7,569	8,846
EPS ĐC (đồng)	3,798	5,035	6,371	7,569	8,846
DPS (đồng)	1,333	1,334	1,335	1,335	1,336
Slg CP bình quân (triệu đv)	507	512	512	512	512
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	507	512	512	512	512
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	507	512	512	512	512

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	1,123	522	821	1,319	2,546
Đầu tư ngắn hạn	1,020	2,007	3,000	4,000	5,000
Phải thu khách hàng	401	157	78.7	95.2	110
Hàng tồn kho	13,015	15,836	17,577	19,318	21,020
Các tài sản ngắn hạn khác	133	95.5	119	137	152
Tổng tài sản ngắn hạn	15,693	18,617	21,596	24,869	28,828
TSCĐ hữu hình	248	238	239	240	241
TSCĐ vô hình	609	620	641	663	687
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	3.98	5.93	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	654	688	864	1,033	1,202
Tổng tài sản dài hạn	1,515	1,551	1,743	1,936	2,129
Tổng cộng tài sản	17,208	20,168	23,339	26,806	30,957
Nợ ngắn hạn	3,342	4,223	4,535	4,465	4,429
Phải trả người bán	624	334	418	480	533
Nợ ngắn hạn khác	1,339	1,361	1,394	1,580	1,800
Tổng nợ ngắn hạn	5,942	6,878	7,470	7,744	8,049
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0.18	1.72	1.72	1.72	1.72
Tổng nợ dài hạn	0.18	1.72	1.72	1.72	1.72
Tổng nợ phải trả	5,952	6,893	7,485	7,759	8,063
Vốn chủ sở hữu	11,255	13,276	15,855	19,047	22,893
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	11,255	13,276	15,855	19,047	22,893
Tổng nợ phải trả và VCSH	17,208	20,168	23,339	26,806	30,957
BVPS (đ)	22,206	25,930	30,968	37,203	44,716
Nợ thuần*/(tiền mặt)	2,219	3,701	3,714	3,146	1,883

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	2,670	3,538	4,445	5,274	6,123
Khấu hao	(80.8)	(85.3)	(99.2)	(108)	(118)
Lãi vay thuần	(2.60)	(13.5)	0	0.00	0
Thuế TNDN đã nộp	(555)	(607)	(912)	(1,083)	(1,266)
Thay đổi vốn lưu động	(2,118)	(2,918)	(1,429)	(1,520)	(1,500)
Khác	8.29	(58.0)	(28.4)	35.7	88.2
LCT thuần từ HĐKD	83.2	26.8	2,175	2,814	3,563
Đầu tư TS dài hạn	(90.4)	(125)	(121)	(132)	(143)
Góp vốn & đầu tư	0	(1.95)	0	0	0
Thanh lý	0.00	0.00	0	0	0
Khác	(121)	(775)	(993)	(1,000)	(1,000)
LCT thuần từ HĐĐT	(211)	(902)	(1,114)	(1,132)	(1,143)
Cổ tức trả cho CSH	(672)	(674)	(674)	(674)	(674)
Thu từ phát hành CP	67.2	64.9	0	0	0
Tăng/giảm nợ	957	882	312	(69.8)	(36.1)
Khác	0	0	(401)	(441)	(483)
LCT thuần từ HĐTC	353	273	(763)	(1,184)	(1,193)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	896	1,123	522	821	1,319
LCT thuần trong kỳ	225	(602)	299	498	1,227
Ảnh hưởng của tỷ giá	1.60	1.24	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,123	522	821	1,319	2,546
Dòng tiền tự do	(7.22)	(97.9)	2,054	2,683	3,420

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	17.6	22.0	21.0	21.0	21.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	7.27	10.4	10.5	10.8	11.3
Tỷ suất LNT (%)	5.59	8.09	8.29	8.57	8.98
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.3	20.3	20.3	20.3	20.3
Tăng trưởng doanh thu (%)	14.1	(7.53)	23.5	14.9	11.6
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	5.39	31.7	25.4	18.4	16.0
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	7.17	33.9	26.5	18.8	16.9
Tăng trưởng EPS (%)	2.01	32.6	26.5	18.8	16.9
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	2.01	32.6	26.5	18.8	16.9
Tăng trưởng DPS (%)	0	0.05	0.05	0.05	0.05
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	35.1	26.5	21.0	17.6	15.1
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	20.1	23.1	24.6	24.4	23.7
ROACE (%)	25.3	28.8	30.5	30.2	29.2
Vòng quay tài sản (lần)	2.39	1.87	1.99	1.98	1.92
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.03	0.01	0.49	0.53	0.58
Số ngày tồn kho	153	212	188	180	176
Số ngày phải thu	4.70	2.10	0.84	0.89	0.92
Số ngày phải trả	7.32	4.47	4.47	4.47	4.47
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	21.4	29.3	24.8	17.9	9.49
Nợ/tài sản (%)	20.5	21.8	20.4	17.6	15.2
EBIT/lãi vay (lần)	1,026	261	nm	N/a	nm
Nợ/EBITDA (lần)	1.28	1.22	1.05	0.88	0.76
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.64	2.71	2.89	3.21	3.58
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.02	1.16	0.94	0.80	0.70
EV/EBITDA ĐC (lần)	14.0	11.2	8.90	7.41	6.18
P/E (lần)	18.9	14.2	11.3	9.47	8.11
P/E ĐC (lần)	18.9	14.2	11.3	9.47	8.11
P/B (lần)	3.23	2.77	2.32	1.93	1.60
Lợi suất cổ tức (%)	1.86	1.86	1.86	1.86	1.86

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn